

Số: *AQ* / TB-HV

Hà Nội, ngày *05* tháng *11* năm 2021

THÔNG BÁO TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2021

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGD&ĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kế hoạch công tác tuyển sinh năm 2021 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông,

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ Đợt 2 năm 2021. Cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

Đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

II. HÌNH THỨC, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO:

1. Hình thức và thời gian đào tạo:

- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: từ 1,5 đến 2,0 năm (theo từng chuyên ngành)
- Chương trình đào tạo các chuyên ngành trình độ thạc sĩ của Học viện được triển khai theo định hướng ứng dụng.

2. Địa điểm đào tạo:

Tại Phía Bắc: Cơ sở đào tạo tại Hà Nội

Km10 đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 024.33512254; Fax: 024.33829236

Tại Phía Nam: Cơ sở đào tạo tại TP. Hồ Chí Minh

Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38297220; Fax: 028.38295092

III. CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO, MÔN XÉT TUYỂN VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ✓

Chuyên ngành đào tạo	Mã ngành	Mã tuyển sinh	Môn xét tuyển (*)		Chỉ tiêu (Dự kiến)
Kỹ thuật viễn thông	8520208		Môn Cơ sở ngành (Lựa chọn 01 môn trong 03 môn tương ứng với chuyên ngành)	Môn Chuyên ngành (Lựa chọn 01 môn trong 03 môn tương ứng với chuyên ngành)	220
Hệ thống thông tin	8480104				
Khoa học máy tính	8480101				
Quản trị kinh doanh	8340101				95

(*): Danh sách các môn xét tuyển tại Phụ lục 1 kèm theo Thông báo tuyển sinh này

Ghi chú: Tại Cơ sở Phía Nam, Học viện tổ chức tuyển sinh và đào tạo 03 chuyên ngành: Kỹ thuật viễn thông, Hệ thống thông tin và Quản trị kinh doanh.

IV. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN:

Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện phải có đầy đủ các điều kiện sau:

1. Điều kiện về văn bằng đại học:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển tương ứng;
- Người đã tốt nghiệp đại học **ngành/chuyên ngành gần** với chuyên ngành đăng ký dự tuyển phải học Bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển.
- Đối với chuyên ngành Quản trị kinh doanh, người đang làm công tác quản trị, quản lý và có văn bằng tốt nghiệp đại học không phải là ngành đúng hoặc gần nhưng liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý thì được đăng ký xét tuyển; đồng thời phải học Bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển.
- Người có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ngoài các điều kiện nêu trên phải có giấy chứng nhận văn bằng tốt nghiệp của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác; Danh mục các môn học Bổ sung kiến thức (BSKT) như Phụ lục II kèm theo.

2. Điều kiện về năng lực tiếng Anh đối với người dự tuyển:

Ứng viên đáp ứng yêu cầu năng lực tiếng Anh để được đăng ký dự tuyển khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ tiếng Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng tiếng Anh;
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển;
- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng

chỉ khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (Phụ lục 3).

3. **Lý lịch bản thân rõ ràng**, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương cư trú xác nhận.
4. **Có đủ sức khỏe để học tập**
5. **Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng hạn** theo quy định tại Mục VII của thông báo này.

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN:

1. Đối tượng ưu tiên:

- a. Người có thời gian công tác **liên tục từ 2 năm trở lên** (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.
- b. Thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh.
- c. Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động.
- d. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ **2 năm trở lên** ở địa phương được quy định tại điểm V.1.a.
- e. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban Nhân dân cấp Tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học
- f. Con liệt sĩ.

2. Các loại giấy tờ cần nộp để được hưởng chính sách ưu tiên:

- Đối tượng ưu tiên theo điểm (a) của mục V.1. phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
- Đối tượng ưu tiên theo điểm (b) và (c) của mục V.1. phải có Thẻ thương binh hoặc các loại giấy tờ liên quan; Giấy chứng nhận Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động.
- Đối tượng ưu tiên theo điểm (d) của mục V.1. phải có bản sao công chứng Giấy khai sinh và hộ khẩu.
- Đối tượng ưu tiên theo điểm (e) của mục V.1. phải có bản sao Giấy khai sinh; Giấy chứng nhận là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được Ủy ban Nhân dân cấp Tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học
- Đối tượng ưu tiên theo điểm (f) của mục V.1. Phải có bản sao Giấy khai sinh và Giấy chứng nhận là con liệt sĩ do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã cấp.

3. Chính sách ưu tiên:

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 1,0 điểm (*một điểm*) vào tổng điểm xét tuyển (thang điểm 10).
- Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

Ghi chú: Mọi trường hợp bổ sung hồ sơ đối tượng ưu tiên sau ngày xét tuyển đều không được chấp nhận.

VI. NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN

1. Điểm xét tuyển là tổng điểm của hai (02) môn đăng ký xét tuyển theo thang điểm 10 đối với từng môn đăng ký xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên theo quy định (nếu có) và được tính lẻ đến một chữ số thập phân.
2. Căn cứ vào chỉ tiêu và điểm xét tuyển của từng thí sinh, Hội đồng tuyển sinh sẽ xác định phương án điểm trúng tuyển, theo nguyên tắc lấy từ thí sinh có điểm cao từ trên xuống và đảm bảo ngưỡng chất lượng.

Ghi chú: Học viện chỉ tổ chức lớp học khi mỗi lớp có từ 25 học viên trở lên. Nếu số lượng ít hơn 25 học viên / lớp thì các học viên đã trúng tuyển có thể được xem xét chuyển sang chuyên ngành khác phù hợp (cùng các môn xét tuyển) hoặc có thể bảo lưu kết quả trúng tuyển và học cùng với đợt tuyển sinh tiếp theo.

VII. HỒ SƠ TUYỂN SINH:

1. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- 1) 01 Đơn đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ (theo mẫu)
- 2) 01 Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương)
- 3) 01 Bản sao công chứng các loại giấy tờ sau:
 - a) Bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học;
 - b) Các loại giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).
 - c) Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Học viện trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp đến ngày đăng ký dự thi (nếu có);
- 4) Chứng chỉ tiếng Anh theo quy định (nếu có).
- 5) 01 Công văn cử đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý đối với thí sinh do cơ quan cử đi (không yêu cầu đối với thí sinh tự do).
- 6) Giấy xác nhận vị trí công tác quản lý hoặc Hợp đồng lao động/ Quyết định tiếp nhận công tác, Quyết định bổ nhiệm (đối với thí sinh cần minh chứng về chuyên môn, nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực quản trị, quản lý);
- 7) 04 Ảnh màu cỡ 3×4cm (ghi rõ họ tên và ngày sinh của thí sinh ở mặt sau) và 02 phong bì dán tem và đề sẵn địa chỉ liên hệ của thí sinh;
- 8) 01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày ký đến ngày nộp hồ sơ; ✓

9) Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (nếu là văn bằng tốt nghiệp đại học do Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài cấp).

2. Thời gian phát hành và tiếp nhận hồ sơ dự thi: Từ ngày 01/11/2021 đến ngày 15/12/2021

VIII. PHÍ TUYỂN SINH:

1. Phát hành hồ sơ: 60.000 đồng / hồ sơ
2. Phí đăng ký xét tuyển: 60.000 đồng / hồ sơ
3. Phí xét tuyển: 120.000 đồng / môn
4. Kinh phí học bổ sung kiến thức: 660.000 đồng / môn

Lưu ý: - *Phí đăng ký xét tuyển và phí xét tuyển nộp một lần khi nộp hồ sơ ĐKDT.*

- *Học viện không hoàn trả hồ sơ ĐKDT, lệ phí tuyển sinh khi thí sinh xin rút đơn ĐKDT*

IX. THỜI GIAN TỔ CHỨC XÉT TUYỂN

1. Thời gian xét tuyển và nhập học: Tháng 12/2021.

2. Học Bổ sung kiến thức:

- Học viện tổ chức lớp học BSKT cho thí sinh: Từ ngày 01/11/2021 đến ngày 05/12/2021

(Thí sinh khi đến đăng ký học BSKT mang theo bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm để xác định số môn cần phải học BSKT).

- Các trường hợp đã học và được công nhận hoàn thành chương trình BSKT của Học viện trong thời gian 12 tháng (tính từ ngày có quyết định công nhận hoàn thành chương trình đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) được miễn học các môn BSKT của ngành tương ứng.

X. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

Tại Phía Bắc:

Văn phòng Giao dịch một cửa (Bộ phận Tuyển sinh)

Km10 đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024.33528122; Fax: 024.33829236.

Email: tuyensinh@ptit.edu.vn

Website: <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>

Tại Phía Nam:

Phòng Đào tạo và Khoa học Công nghệ - Cơ sở Học viện tại Tp.Hồ Chí Minh

Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38297220; Fax: 028.39105510

Email: tuyensinh@ptithcm.edu.vn

Website: <https://ptit.edu.vn>; <https://ptithcm.edu.vn> ✓

Mọi thông tin chi tiết và mẫu hồ sơ đăng ký dự thi thí sinh có thể xem và tải về tại trang thông tin điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông theo địa chỉ: <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>. ✓

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ TT&TT (để b/c);
- Ban Giám đốc Học viện (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc Học viện;
- Các Phòng, Ban, Khoa, Trung tâm của Học viện;
- Lưu VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



TS. Vũ Tuấn Lâm

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH VÀ DANH MỤC CÁC MÔN XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông báo số 102/TB-HV ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Học viện)

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Mã tuyển sinh	Danh mục các môn xét tuyển	
			Môn Cơ sở ngành (Chọn 1 trong 3 môn tương ứng với chuyên ngành đăng ký dự tuyển)	Môn Chuyên ngành (Chọn 1 trong 3 môn tương ứng với chuyên ngành đăng ký dự tuyển)
1.	Kỹ thuật Viễn thông	C01	1. Lý thuyết mạch; 2. Xử lý tín hiệu số; 3. Lý thuyết truyền tin/Lý thuyết thông tin.	1. Kỹ thuật mạng truyền thông; 2. Kỹ thuật thông tin vô tuyến; 3. Kỹ thuật thông tin quang.
2.	Hệ thống thông tin	C02	1. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật; 2. Toán rời rạc;	1. Cơ sở dữ liệu; 2. Phân tích thiết kế hệ thống thông tin;
3.	Khoa học máy tính	C03	3. Ngôn ngữ lập trình C++.	3. Công nghệ phần mềm.
4.	Quản trị kinh doanh	C04	1. Kinh tế vi mô; 2. Kinh tế vĩ mô; 3. Toán kinh tế.	1. Quản trị học; 2. Quản trị chiến lược; 3. Phân tích hoạt động kinh doanh.

Ghi chú: Các môn học được xét công nhận tương đương với môn xét tuyển khi có nội dung và số tín chỉ/đvht đảm bảo tương đồng tối thiểu từ 70% trở lên.

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, PHỤ HỢP, NGÀNH GÁN VÀ CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Kèm theo Thông báo số 1022/TB-HV ngày 05/11/2021 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gán và các môn học Bổ sung kiến thức			Ghi chú
				Ngành gán	Môn bổ sung kiến thức	Số tiết	
1	Kỹ thuật viễn thông Mã số chuyên ngành: 8.52.02.08	Kỹ thuật điện tử viễn thông	<ul style="list-style-type: none"> - Vô tuyến điện và thông tin liên lạc; - Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông (Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông); - Điện tử thông tin; - Các chuyên ngành về điện tử viễn thông, kỹ thuật thông tin, kỹ thuật viễn thông của các trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông của Học viện <i>đươc</i> 10% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành. 	<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật máy tính; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Kỹ thuật điện, điện tử; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Công nghệ kỹ thuật điều kiện và tự động hóa; - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; - Kỹ thuật điện tử; - Kỹ thuật cơ điện tử; - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; - Điện tử tin học; - Vật lý vô tuyến. <p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thông tin; - Khoa học máy tính; - Truyền thông và mạng máy tính; - Kỹ thuật phần mềm; - Hệ thống thông tin; - Tin học; - Tin học ứng dụng; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên trong Nhóm 1, 2 nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông của Học viện <i>từ</i> 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành 	<p>Nhóm 1:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mô phỏng hệ thống truyền thông 2. Kỹ thuật thông tin quang 3. Kỹ thuật thông tin vô tuyến 4. Kỹ thuật mạng truyền thông 	<p>30</p> <p>45</p> <p>45</p> <p>45</p>	
				<p>Nhóm 2:</p> <p><i>Ngoài 4 môn học như Nhóm 1 phải học thêm các môn sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lý thuyết mạch 2. Lý thuyết truyền tin 3. Tín hiệu và hệ thống 	<p>45</p> <p>45</p> <p>45</p>		

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành/Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần và các môn học Bổ sung kiến thức			Ghi chú
				Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức	Số tiết	
1	Hệ thống thông tin Mã số chuyên ngành: 8.48.01.04	Hệ thống thông tin Khoa học máy tính	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thông tin; - Kỹ thuật phần mềm; - Truyền thông và mạng máy tính; - Tin học; - Tin học ứng dụng; - Các chuyên ngành về: Công nghệ thông tin, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, tin học, khoa học tính toán, kỹ thuật tính toán của các trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin (<i>chuyên ngành Hệ thống thông tin hoặc Khoa học máy tính</i>) của Học viện <i>đạt</i> 10% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chỉ của khối kiến thức ngành. 	Nhóm 1: - Toán ứng dụng; - Sự phạm tin học; - Tin học quản lý; - Cơ tin; - Toán - Thống kê - Tin học; - Toán tin. Hệ thống thông tin kinh tế	Nhóm 1: 1. Cơ sở dữ liệu 2. Hệ điều hành 3. Mạng máy tính 4. Nhập môn công nghệ phần mềm	45 45 45 45	
				Nhóm 2: - Kỹ thuật điện tử, truyền thông; - Kỹ thuật điện tử viễn thông; - Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; - Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông; - Kỹ thuật máy tính; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Điện tử tin học; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Kỹ thuật điện, điện tử; - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; - Kỹ thuật điện tử. - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên trong Nhóm 1, 2 nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin (chuyên ngành Hệ thống thông tin hoặc Khoa học máy tính) của Học viện <i>từ 10-40%</i> tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chỉ của khối kiến thức ngành	Nhóm 2: Ngoài 4 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 2 môn sau: 1. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật 2. Kiến trúc máy tính	45 45	

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành/Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần/khác và các môn học Bổ sung kiến thức		Số tiết	Ghi chú
				Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức		
	Quản trị kinh doanh Mã số chuyên ngành: 8.34.01.01	Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; - Quản trị khách sạn; - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; - Kinh doanh thương mại; - Các chuyên ngành về Quản trị kinh doanh của trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành đào tạo thuộc Nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị - Quản lý theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học bổ sung kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Học viện dưới 10% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành. 	<p>Nhóm 1 (Ngành gần):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ngành/chuyên ngành thuộc Nhóm ngành Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT; - Hoặc các ngành/chuyên ngành có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành. 	<p>Nhóm 1:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Marketing căn bản; 2. Quản trị học; 3. Quản trị chiến lược; 4. Quản trị sản xuất; 5. Quản trị tài chính doanh nghiệp; 6. Quản trị nhân lực. 	45 45 45 45 45 45	
			<p>Nhóm 2 (Ngành khác):</p> <p>Các ngành Công nghệ, Kỹ thuật, Khoa học tự nhiên, Kiến trúc, Xây dựng, Môi trường, Nông - lâm nghiệp, Pháp luật, Chính trị, Du lịch, Quản sự, An ninh.</p>	<p>Nhóm 2:</p> <p><i>Ngoài 6 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 6 môn sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kinh tế vi mô 1; 2. Kinh tế vĩ mô 1; 3. Tài chính tiền tệ; 4. Kinh tế lượng; 5. Luật kinh doanh; 6. Nguyên lý kế toán. 	45 45 45 45 30 45		

PHỤ LỤC III

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO
VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Kèm theo Thông báo số 120/TB-HV ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Học viện Công nghệ
Bưu chính Viễn thông)*

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179